

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04/11/2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *T ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2018 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ N, khu phố N, phường Đ, thành phố H, Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Anh T, sinh năm 1984. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ N, khu phố N, phường Đ, thành phố H, Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ H, ấp Ch, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph trình bày: Bà và ông Hồ Anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2005, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/6/2013. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm Tồng xuyên cự cãi, mỗi lần cãi nhau là ông T bỏ nhà đi 2 -3 tháng mới về, không lo cho cuộc sống vợ con, bà có khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, ông T đã bỏ nhà đi khoảng hơn một năm nay đến huyện Ph làm ăn, đến nay không về nhà. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về

chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Hồ Ngọc Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 05/12/2005, tên Hồ Anh K, giới tính nam, sinh ngày 01/01/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 08/10/2019 ông T trình bày: Ông và bà Ph kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/6/2013. Nay bà Ph xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Hồ Ngọc Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 05/12/2005, tên Hồ Anh K, giới tính nam, sinh ngày 01/01/2011. Ông không đồng ý giao con cho bà Ph nuôi dưỡng, nếu Tòa án cho ly hôn và cho ông nuôi con ông không yêu cầu cấp dưỡng, nếu Tòa án giao con cho bà Ph ông cũng không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận cho bà Ph ly hôn với ông T. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao hai con chung cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của bà Ph. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Hồ Anh T có hộ khẩu thường trú tại khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Hồ Anh T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Hồ Anh T chung sống như vợ chồng vào năm 2005, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/6/2013. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bà Ph vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông T đã nhận được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và ông có ý kiến là không đồng ý ly hôn với bà Ph. Xét thấy hôn nhân của bà Ph, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do ông T nhậu nhẹt không lo cuộc sống vợ con, mỗi lần cãi nhau ông T bỏ nhà đi vài tháng mới về nhà. Qua xác minh của Tòa án tại địa phương cho thấy bà Ph, ông T có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương, hiện nay bà Ph vẫn con sinh sống tại địa phương, ông T đã bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống không thấy trở về. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà Ph, ông T không còn chung sống thời gian dài, ông T đã bỏ đi huyện Ph làm ăn từ trước tháng 10/2018 cho đến nay không về và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng, hôn nhân của bà Ph, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Hồ Ngọc Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 05/12/2005, tên Hồ Anh K, giới tính nam, sinh ngày 01/01/2011, hiện nay con đang sống cùng bà Ph, khi ly hôn bà Ph, ông T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy cháu V, cháu K có nguyện vọng được sống cùng bà Ph và từ nhỏ đều do bà Ph chăm sóc con nên việc bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, cháu K là tạo điều kiện cho các cháu phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao hai con chung cho bà Ph nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà Ph không yêu cầu ông T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà Ph, ông T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Ph khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim Ph với ông Hồ Anh T.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Ngọc Thảo V, giới tính nữ, sinh ngày 05/12/2005 và cháu Hồ Anh K, giới tính nam, sinh ngày 01/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim Ph tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà Ph không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Kim Ph cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Hồ Anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật

- Tài sản chung và nợ chung: Bà Ph, ông T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Ph phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0008813 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà Ph không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành